

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830307] - Trang bị điện năng
cao (CCQ2305C)

CBGD: Phạm Toàn Sinh (280034)

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên	Chương	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050216	Nại Hoàng	Chương	11/02/2004	CCQ2305E	4	Chn	7,0	5,0	5,8
2	2123110121	Nguyễn Thanh	Đông	16/07/2005	CCQ2305E	4	Đông	7,2	9,0	8,3
3	2123050205	Đỗ Thế	Đức	24/09/2005	CCQ2305E	1	Đức	6,5	5,0	6,2
4	2123050220	Võ Trương	Đức	19/05/2005	CCQ2305E	1	Đức	9,0	9,0	9,0
5	2123050196	Hán Tấn	Duy	26/03/2005	CCQ2305E	2	Du	8,0	5,0	6,2
6	2123050202	Mai Nhật	Hào	23/11/2004	CCQ2305E	1	liac	8,3	8,0	8,1
7	2123050228	Phạm Quang	Huy	08/06/2005	CCQ2305E	1	Huy	6,8	5,0	5,7
8	2123050199	Sử Ngọc	Khoa	21/06/2005	CCQ2305E	3	Is	9,0	9,0	9,0
9	2123050209	Hoàng Đăng	Luật	26/09/1996	CCQ2305E	3	Lee	8,3	9,0	8,7
10	2123050227	Báo Tuấn	Phương	25/10/2005	CCQ2305E	3	Ph	7,0	9,0	8,2
11	2123050195	Vũ Tiến	Thanh	30/09/2005	CCQ2305E	2	Th	8,0	8,0	8,0
12	2123050120	Đặng Mậu	Thành	15/06/2005	CCQ2305C	3	Thành	7,2	8,0	7,7
13	2123050097	Nguyễn Văn	Thông	01/11/2005	CCQ2305C			9,0	9,0	9,0
14	2123050207	Nguyễn Phước	Tiến	20/01/2002	CCQ2305E			9,0	9,0	9,0
15	2123050132	Nguyễn Đức	Toàn	17/02/2003	CCQ2305C	2	Đ	8,0	5,0	6,2
16	2123050102	Nguyễn Quốc	Toán	05/05/2005	CCQ2305C	3	Toán	9,0	9,0	9,0
17	2123050114	Trần Minh	Trọng	22/12/2005	CCQ2305C	4	Tru	8,0	5,0	6,2
18	2123050093	Bùi Duy	Tuấn	12/12/2005	CCQ2305C	2	Tu	9,3	9,0	9,1
19	2123050123	Trần Nhật	Tường	12/08/2005	CCQ2305C	4	Tru	9,7	9,0	9,3
20	2123050106	Phạm Long	Vũ	13/02/2005	CCQ2305C	2	ice	8,2	6,0	6,9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830303] - Trang bị điện năng
cao (CCQ2305C)

CBGD: Phạm Toàn Sinh (280034)

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 2.1

Số tờ giấy thi: 2.1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050133	Hán Nhật	Cương	31/07/2005	CCQ2305C	1	7,3	7,0	7,1
2	2123050115	Trương Quốc	Dũng	19/05/2005	CCQ2305C	1	7,8	9,0	8,5
3	2123050139	Trần Đức	Hải	01/06/2005	CCQ2305C	1	8,7	9,0	8,9
4	2123050134	Bá Trung	Hiếu	05/08/2005	CCQ2305C	4	8,7	6,0	7,1
5	2123050136	Nguyễn Văn	Hiếu	12/03/2005	CCQ2305C	3	9,0	9,0	9,0
6	2123050128	Trần Duy	Hiếu	14/11/2005	CCQ2305C	3	8,5	9,0	8,8
7	2123050186	Nguyễn Ngọc	Hòa	23/10/2005	CCQ2305C	3	8,0	9,0	8,6
8	2123050092	Phạm Ngọc	Huân	21/04/2005	CCQ2305C	2	7,8	5,0	6,1
9	2123050099	Nguyễn Thanh	Hùng	17/06/2003	CCQ2305C	1	7,5	8,1	7,8
10	2123050110	Đỗ Tấn	Khoa	06/11/2005	CCQ2305C	3	7,5	6,0	6,6
11	2123050135	Bá Trung	Lễ	05/08/2005	CCQ2305C	2	8,0	9,0	8,6
12	2123050138	Phạm Nguyễn Công	Luận	30/01/2005	CCQ2305C	4	7,3	9,0	8,3
13	2123050109	Lâm Văn	Lực	29/01/2005	CCQ2305C	2	8,5	8,0	8,2
14	2123050118	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhật	17/04/2005	CCQ2305C	4	6,5	8,0	7,4
15	2123050126	Nguyễn Đình	Ninh	24/10/2005	CCQ2305C	2	7,8	5,0	6,1
16	2123050121	Mai Võ Tuấn	Phong	10/09/2005	CCQ2305C	✓	0,0	✓	✓
17	2123050129	Bùi Văn	Phúc	23/03/2005	CCQ2305C	3	7,5	5,0	6,0
18	2123050125	Nguyễn Hoàng	Phúc	08/09/2005	CCQ2305C	4	7,7	5,0	6,1
19	2123050130	Nguyễn Thanh	Phúc	25/03/2004	CCQ2305C	✓	0,0	✓	✓
20	2123050095	Đặng Thanh	Quân	04/01/2005	CCQ2305C	2	9,3	9,0	9,1
21	2122050089	Nguyễn Đức	Quân	10/05/2004	CCQ2205C	✓	1,4	✓	0,6
22	2123050101	Nguyễn Anh	Quang	25/05/2005	CCQ2305C	1	8,3	5,0	6,3
23	2123050107	Phạm Huỳnh	Quốc	15/11/2005	CCQ2305C	2	7,8	9,0	8,5
24	2123050090	Đỗ Nhật	Tân	19/04/2005	CCQ2305C	1	7,7	8,0	7,9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830304] - Trang bị điện năng
cao (CCQ2305D)

CBGD: Phạm Toàn Sinh (280034)

Số SV có mặt: 20...

Số bài thi: ...22...

Số tờ giấy thi: 200...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050181	Đỗ Phạm Nhật An	04/05/2005	CCQ2305D	1		6,8	8,0	7,5
2	2123050142	Đỗ Thanh Cao	22/06/2005	CCQ2305D	1		6,8	7,0	6,9
3	2123050171	Não Văn Diên	02/05/2005	CCQ2305D	3		7,3	5,0	5,9
4	2123050217	Bùi Quốc Duy	06/01/2004	CCQ2305D	3		9,0	8,0	8,4
5	2123050167	Đặng Đức Duy	08/11/2005	CCQ2305D	2		7,7	5,0	6,1
6	2123050140	Nguyễn Phạm Mạnh Duy	30/09/2005	CCQ2305D	4		8,8	9,0	8,9
7	2123050190	Trần Hữu Nam Khánh	19/11/2005	CCQ2305D	4		6,7	5,0	5,7
8	2123050179	Thạch Hoàng Linh	12/10/2004	CCQ2305D	2		8,8	5,0	6,5
9	2123050169	Đặng Hoài Nam	22/08/2005	CCQ2305D	2		6,8	6,0	6,3
10	2123050141	Vũ Xuân Nguyên	16/11/2005	CCQ2305D	4		7,5	8,0	7,8
11	2123050143	Cao Lâm Triều Phát	19/01/2004	CCQ2305D	1		8,2	9,0	8,7
12	2123050147	Phạm Huỳnh Phúc	18/02/2005	CCQ2305D	1		8,0	9,0	8,6
13	2123050158	Quảng Đại Sang	19/10/2005	CCQ2305D	2		8,2	5,0	8,7
14	2123050157	Trương Ngọc Thái	04/09/2005	CCQ2305D	1		8,3	9,0	8,7
15	2123050191	Võ Triệu Thiên	01/05/2005	CCQ2305D	3		9,2	9,0	9,1
16	2123050187	Phạm Công Tiến	20/04/2005	CCQ2305D	4		9,0	7,0	7,8
17	2123050164	Nguyễn Lê Thành Trung	19/06/2005	CCQ2305D	4		8,2	8,0	8,1
18	2123050148	Bùi Đan Trường	13/04/2005	CCQ2305D	2		7,5	5,0	6,0
19	2123050159	Châu Ngọc Tuy	05/01/2005	CCQ2305D	3		7,5	8,0	7,8
20	2123050154	Lê Tiến Anh Việt	03/07/2005	CCQ2305D			7,0	/	/
21	2123050156	Trịnh Minh Vọng	07/02/2005	CCQ2305D	2		8,2	7,0	7,5